

---

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**

**KHAI MỞ THỊNH VƯỢNG**



## MỤC LỤC

<b>I. THÔNGIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>3</b>
<b>II. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>6</b>
<b>1. Thông tin khái quát</b> .....	<b>6</b>
<b>2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:</b> .....	<b>7</b>
<b>3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</b> .....	<b>7</b>
3.1. <i>Mô hình quản trị:</i> .....	7
3.2. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý:</i> .....	7
3.3. <i>Các công ty con, công ty liên kết</i> .....	9
<b>4. Định hướng phát triển</b> .....	<b>13</b>
4.1. <i>Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:</i> .....	13
4.2. <i>Chiến lược phát triển trung và dài hạn:</i> .....	14
<b>5. Các rủi ro:</b> .....	<b>14</b>
5.1. <i>Rủi ro về kinh tế</i> .....	14
5.2. <i>Rủi ro đặc thù</i> .....	16
5.3. <i>Rủi ro về quản trị công ty</i> .....	17
5.4. <i>Rủi ro khác</i> .....	17
<b>6. Tư tưởng cốt lõi và giá trị cốt lõi</b> .....	<b>17</b>
6.1. <i>Tư tưởng cốt lõi</i> .....	17
6.2. <i>Giá trị cốt lõi</i> .....	17
<b>7. Các danh hiệu và giải thưởng</b> .....	<b>18</b>
<b>III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	<b>19</b>
<b>1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</b> .....	<b>19</b>
<b>2. Tổ chức và nhân sự</b> .....	<b>22</b>
2.1. <i>Danh sách Ban điều hành</i> .....	22
2.2. <i>Những thay đổi trong Ban điều hành:</i> .....	25
2.3. <i>Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động</i> .....	25
<b>3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</b> .....	<b>28</b>
3.1. <i>Các khoản đầu tư lớn</i> .....	28
3.2. <i>Các công ty con, công ty liên kết</i> .....	31
<b>4. Tình hình tài chính</b> .....	<b>36</b>
4.1. <i>Tình hình tài chính</i> .....	36
<b>5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....	<b>40</b>
5.1. <i>Cổ phần</i> .....	40

5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 22/3/2021 .....	40
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	41
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: .....	47
5.5. Các chứng khoán khác: .....	47
<b>6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .....</b>	<b>47</b>
6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: .....	47
6.2. Chính sách liên quan đến người lao động .....	47
6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .....	48
<b>IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>48</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	48
2. Tình hình tài chính .....	48
2.1. Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất .....	49
2.2. Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty mẹ .....	49
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....	49
<b>V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>49</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: .....	49
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty: .....	50
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: .....	50
<b>VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>51</b>
1. Hội đồng quản trị .....	51
1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị .....	51
1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	52
1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	52
2. Ban Kiểm soát .....	55
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát .....	56
3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: .....	56
3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: .....	57
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: .....	57
3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: .....	57
<b>VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN .....</b>	<b>57</b>



## I. THÔNG điệp từ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ Đông và Quý Nhà Đầu Tư!

Năm 2021, mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp, nghiêm trọng dẫn tới kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhờ việc đẩy nhanh tiến trình bao phủ vaccine, việc linh hoạt điều chỉnh chiến lược chống dịch giúp cân bằng hơn giữa việc đảm bảo sức khỏe người dân và phục hồi; tăng trưởng kinh tế cả năm duy trì đà tăng trưởng dương và đang phục hồi nhanh, lạm phát ở mức thấp nhất trong 6 năm, xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục, thu hút đầu tư nước ngoài hồi phục... Tăng trưởng GDP phục hồi trong quý 4, là mức đáng khích lệ, trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, tác động tiêu cực đến mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Đây là tiền đề quan trọng giúp nền kinh tế hồi phục và bật tăng mạnh mẽ trong năm 2022.

Năm 2021 cũng là một năm ghi nhận sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV Tập đoàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Tập đoàn F.I.T đã tăng gấp gần 3 lần so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu thuần đạt gần 1.221 tỷ đồng, tăng 2,8% so với cùng kỳ, nhờ hoạt động tài chính tăng cao trong quý II/2021 nên lợi nhuận sau thuế đạt 231,5 tỷ đồng.

### **Mảng Dược phẩm:**

Năm 2021, do lượng sản phẩm của nhà máy hiện hữu không đáp ứng được nhu cầu của thị trường, tháng 3/2021, Dược Cửu Long (DCL) đã khởi công xây dựng Nhà máy Sản xuất Thiết bị y tế Benovas tại tỉnh Vĩnh Long. Dự án xây dựng Nhà máy có tổng vốn đầu tư trên 20 triệu USD. Những sản phẩm của nhà máy được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo hướng tự động hóa đạt tiêu chuẩn CE của Châu Âu và FDA của Hoa Kỳ. Không những thế, DCL còn đưa vào vận hành nhà máy Capsul số 4, nâng tổng khối lượng nang sản xuất lên gần 8 tỷ viên/năm. Hiện Dược Cửu Long là đơn vị duy nhất của Việt Nam sản xuất được nhiều loại Capsul có chất lượng tốt nhất tại Việt Nam với dây chuyền sản xuất hiện đại của Canada. Bên cạnh đó, Benovas - công ty con của Dược Cửu Long và Pharmascience của Canada đã chính thức trở thành đối tác chiến lược. Theo đó, việc trở thành đối tác chiến lược của Pharmascience sẽ giúp Benovas đa dạng hóa danh mục sản phẩm. Trong đó, có những sản phẩm First - To- Market là lợi thế cho Benovas trong việc đẩy nhanh tiến trình tiếp cận, mở rộng thị trường, phục vụ tốt hơn cho bệnh nhân.

### **Mảng Thực phẩm:**

Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid-19 nhưng Westfood vẫn đạt doanh thu gần 400 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt gần 28 tỷ đồng. Ngoài thế mạnh là chế biến trái cây xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Mỹ, Canada, Pháp, Hà lan, Ai Len, Nhật bản, Hàn Quốc, Úc... hiện Westfood đã và sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch đưa sản phẩm vào chuỗi các cửa hàng tiện lợi và các siêu thị nước ngoài tại Việt Nam như Aeon hoặc Lotte Mart trên phạm vi toàn quốc. Một hoạt động khác trong năm 2021 cũng được Westfood chú trọng đó là phát triển vùng nguyên liệu dứa MD2. Trong năm 2021, với khoảng 100ha vùng nguyên liệu, doanh thu của Westfood đạt khoảng 400 tỷ đồng, lợi nhuận 30 tỷ đồng. Với tiềm năng rất lớn sẵn có, năm 2022 cùng với nhu cầu lớn của thị trường, công ty đã mở rộng quy mô, dự kiến kế hoạch doanh thu của Westfood sẽ bứt phá tăng 5 đến 10 lần tương đương sẽ đóng góp lợi nhuận cho tập đoàn 150 đến 300 tỷ đồng.



Bên cạnh đó, Westfood cũng tạo ra công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho bà con nông dân lên gấp đôi so với các loại cây trồng khác nhờ trồng dưa. Ước tính, doanh thu của bà con là 240 triệu đồng/ha/năm.

### **Mãng nước giải khát:**

Vikoda là một trong ít doanh nghiệp hiếm hoi trên thế giới sở hữu mỏ nước khoáng có độ pH 9.0, đây là ngưỡng kiềm hoàn hảo tự nhiên. Nước được khai thác ở độ sâu từ 220 – 270 m, giữ lại toàn bộ khoáng chất trong tự nhiên. Không những thế Vikoda là doanh nghiệp duy nhất có nhà máy đặt tại mỏ nước. Nước khoáng khai thác từ mỏ đi lên được đưa thẳng vào nhà máy chiết và đây là món quà thật sự từ thiên nhiên, không qua bất kỳ quy trình xử lý kiểm nhân tạo nào.

Với lợi thế và tiềm năng của mỏ kim cương thiên nhiên này, năm 2021, Vikoda đã công bố nhận diện thương hiệu mới với mong muốn thể hiện cam kết phát triển bền vững, mang đến nhiều điều tốt đẹp cho người tiêu dùng qua sản phẩm chất lượng. Màu sắc logo cũng được lựa chọn lại để tạo cảm giác nhẹ nhàng, thanh khiết và trẻ trung. Ngoài ra, dựa trên ý tưởng thiết kế kết hợp giữa nghệ thuật đá cân bằng và phổ kiểm nguyên bản, diện mạo mới của sản phẩm nước khoáng thiên nhiên Vikoda được nhận xét là cá tính, trẻ trung, năng động và hiện đại hơn.

Với sự thay đổi bộ nhận diện thương hiệu công với đầu tư hàng trăm tỷ đồng để nâng cấp dây chuyền máy móc Vikoda đặt mục tiêu đưa vikoda trở thành thương hiệu nước uống hàng đầu tại Việt Nam.

### **Mãng Tiêu dùng nhanh:**

Năm 2020, bắt kịp xu thế FCO đã liên tục cho ra mắt các sản phẩm mới như Gel rửa tay không dùng nước Dr. Clean, Dung dịch rửa tay sát khuẩn Dr.Cleanex.PRO, nước rửa chén Tero can lớn 3.2kg hương Chanh và Quế cam.

### **Bất động sản và nghỉ dưỡng:**

Nắm bắt được nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng tại Việt Nam, Tập đoàn F.I.T đã đầu tư vào dự án Cap Paradan Mũi Dinh - Khu du lịch nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế với diện tích gần 800 ha tọa lạc trên một địa hình độc đáo không đâu có tại Việt Nam.

Dự án có tổng mức đầu tư hơn 1 tỷ USD với nhiều phân khu được bố trí theo các chủ đề và chức năng khác nhau. Nổi bật với khu phức hợp Khách sạn nghỉ dưỡng 5 sao có diện tích 63 ha và diện tích xây dựng lên đến gần 90.000 m<sup>2</sup>, bao gồm 172 biệt thự, 402 phòng khách sạn, cùng khu giải trí và thư giãn rộng lớn như: Làng thương mại, trung tâm chăm sóc sức khỏe spa, trung tâm hội nghị, nhà hàng. Tòa khách sạn 12 tầng nổi, 1 tầng hầm và 300 chỗ đậu xe. Các công trình trong dự án được thiết kế mô phỏng kiến trúc Champa được kết hợp khéo léo với cảnh quan thiên nhiên, để tạo nên một tuyệt phẩm kiến trúc mà không giống bất cứ nơi đâu.

Ngoài dự án Cap Paradan Mũi Dinh, Tập đoàn F.I.T cũng đang có kế hoạch phát triển nhiều dự án Bất động sản có tiềm năng tại các tỉnh Hà Nội, Hòa Bình; Đắk Nông, Thành phố Hồ Chí Minh... Đây cũng là lĩnh vực hứa hẹn đưa FIT trở thành Tập đoàn tỷ đô trong tương lai

Năm 2022 là năm kỷ niệm 15 thành lập Tập đoàn đánh dấu bước phát triển toàn diện của

Tập đoàn F.I.T về quy mô, nhân lực và văn hóa doanh nghiệp. Việc khởi công dự án Cap Paradan Mũi Dinh vào tháng 2/2022 và phát triển nhiều dự án Bất động sản khác cũng như đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới của DCL; Vikoda; Westfood; FCO... sẽ là tiền đề vững chắc để FIT trở thành Tập đoàn tỷ đô có thương hiệu vững mạnh ở trong nước và quốc tế trong tương lai.


Chúc Quý vị một năm mới An Khang, Thịnh Vượng!

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**Nguyễn Văn Sang**



## II. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T</b>
Tên viết bằng tiếng nước ngoài:	F.I.T GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	F.I.T GROUP., JSC
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/03/2007 đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 12/01/2022.
Vốn điều lệ:	2.627.302.470.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	3.105.954.297.294 đồng
Địa chỉ:	Tầng 5, tòa nhà Time Tower – HACC 1 Complex Building, số 35 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Số điện thoại:	024 73094688
Số fax:	024 73094686
Website:	<a href="https://fitgroup.com.vn/">https://fitgroup.com.vn/</a>
Mã cổ phiếu:	FIT
Sàn niêm yết:	Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
Logo Công ty:	

### Quá trình hình thành phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T) thành lập vào ngày 08/03/2007, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, tư vấn đầu tư và dịch vụ tài chính. Trải qua 15 năm hình thành và phát triển, Công ty đã ghi dấu trên thị trường với những thành tích nổi bật như sau:

- Năm 2012: Sau 5 năm thành lập, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 150 tỷ đồng. Trong giai đoạn này Công ty tập trung vào hoạt động tài chính và tư vấn đầu tư.
- Năm 2012: Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T đầu tư liên kết với Công ty Cổ phần Thương mại – Sản xuất và Dịch vụ Sao Nam, đặt nền móng cho Công ty Holding trong giai đoạn tiếp theo.

- Ngày 08/03/2013, Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T trở thành công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.
- Ngày 26/07/2013: Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu FIT, với 15 triệu cổ phiếu niêm yết lần đầu. Cổ phiếu FIT đã thu hút được nhiều sự quan tâm của các nhà đầu tư, các cổ đông, đối tác và khách hàng.
- Năm 2013: Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T sở hữu chi phối Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (Mã chứng khoán: TSC), bao gồm các công ty con là Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây, Công ty Cổ phần Hạt giống TSC và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tín.
- Ngày 19/08/2015, sau 02 năm niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu FIT chính thức niêm yết Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) nhằm gia tăng uy tín và hình ảnh doanh nghiệp trên thị trường vốn, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư nước ngoài.
- Năm 2015: Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T sở hữu chi phối thành công Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (Mã chứng khoán: DCL) – một trong những công ty dược phẩm hàng đầu Việt Nam và Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa (Mã chứng khoán: VKD).
- Năm 2017: Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T chính thức thu tóm thành công Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm.
- Ngày 08/03/2017: Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T thành lập Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas – một công ty con trực thuộc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long.
- Năm 2019: thoái vốn thành công tại Công ty cổ phần Dược phẩm Euvipharm.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- *Ngành nghề kinh doanh:*
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chính). Chi tiết: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản;
  - Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính).
- *Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hà Nội, Thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Vĩnh Long.*

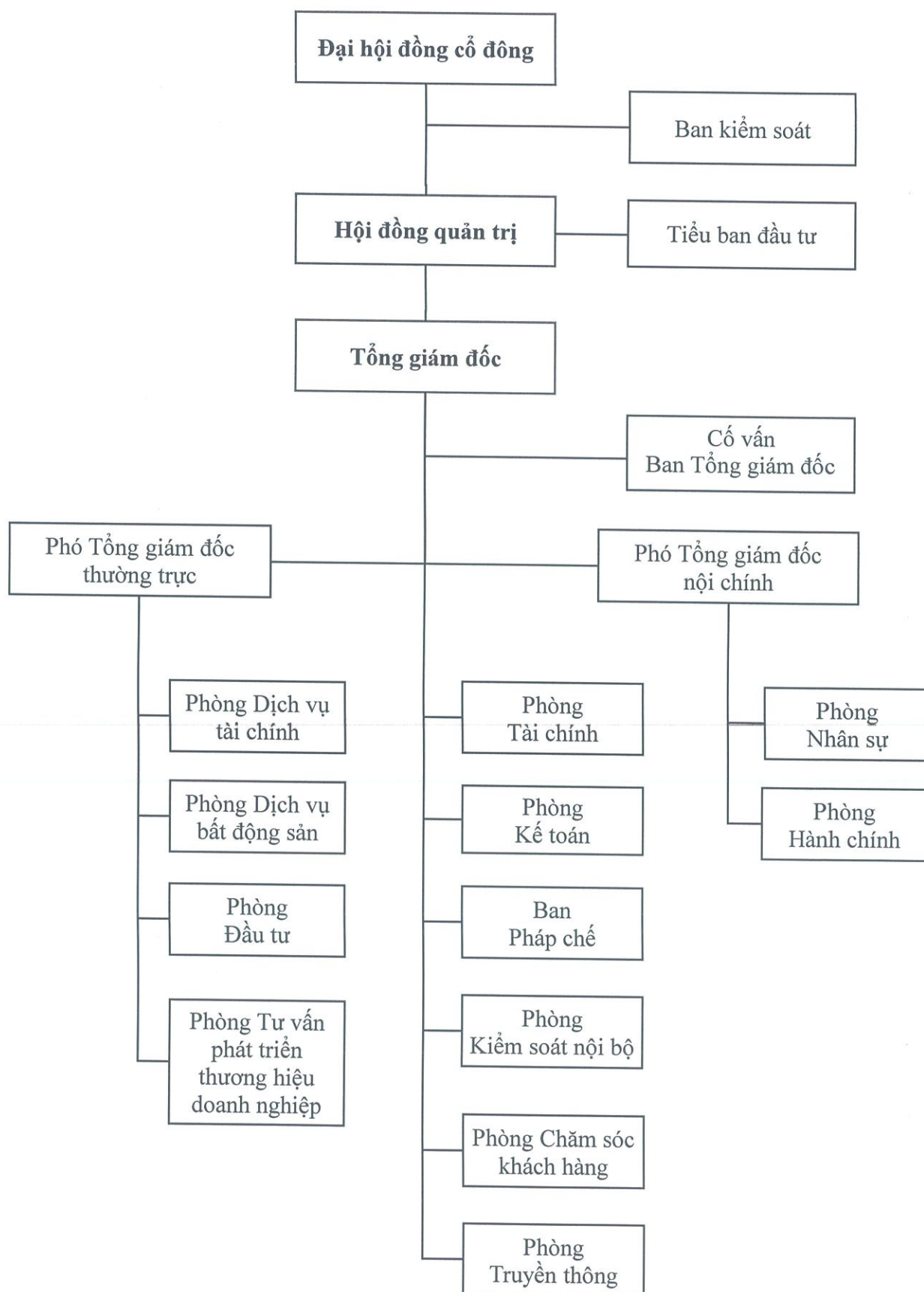
## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

### 3.1. Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:





**3.3. Các công ty con, công ty liên kết**

**3.3.1. Các công ty con**

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại thời điểm 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này	Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty
1	Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	25/07/2003	1800518314	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	41,07%	41,07%
2	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	09/11/2004	1500202535	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Sản xuất dược phẩm, dược liệu, hóa chất, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bào chế khác)	72,07%	72,07%
3	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	10/06/2014	0106567335	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm hoạt động báo chí); Bán buôn tổng hợp (Trừ dược phẩm và loại Nhà nước cấm)	100%	100%
4	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	11/07/2016	0107499328	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản - kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai	99,69%	99,69%
5	Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	18/06/2003	1800512175	Chế biến và bảo quản rau quả, thu mua và chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu...	39,37% (1)	95,87%



STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại thời điểm 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này	Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty
6	Công ty cổ phần Hạt giống TSC	08/10/2014	1801361391	Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp...	40,25% (1)	99,74%
7	Công ty cổ phần FIT Consumer	06/11/2015	0313522734	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	51,74% (1)	100,00%
8	Công ty cổ phần Giống cây trồng Nông Tín	12/07/2013	3901167137	Xử lý hạt giống để nhân giống; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	31,90% (1)	77,67%
9	Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang	14/09/2015	6300265343	Chế biến và bảo quản rau quả (Chi tiết: Chế biến và đóng hộp rau quả; chế biến và bảo quản rau quả khác)	38,58% (2)	98,00%
10	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	09/06/2006	4200283916	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn. Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai)	26,38% (3)	78,85%
11	Công ty cổ phần Thuốc ung thư Benovas	08/03/2017	0107753133	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Kinh doanh hóa chất	39,64% (4)	55,00%
12	Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn	06/09/2011	0311124093	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất; Bán buôn đồ dùng khác cho	72,07% (4)	100,00%

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại thời điểm 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này	Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty
				gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế		
13	Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas	27/9/2016	0314033736	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dược phẩm, capsule (viên nang) các loại, dụng cụ cho ngành dược, ngành y tế, mỹ phẩm, dược liệu, nguyên phụ liệu và các loại dược phẩm bảo chế khác	72,03% (4)	99,93%
14	Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	27/09/2016	1501057104	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất: dụng cụ, trang thiết bị y tế cho ngành dược, ngành y tế	72,07%	100,00%
15	Công ty Liên doanh Sản xuất Kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị y tế (Là Công ty liên doanh giữa Công ty cổ phần Dược phẩm Cứu Long và Lao Medical Services Co., Ltd)	29/12/2003	Công ty thành lập theo pháp luật nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	Giới thiệu thuốc	36,76% (4)	51,00%

(1): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

(2): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây

(3): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần FIT Consumer

(4): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Dược phẩm Cứu Long



3.3.2. Các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Ngày thành lập	Số giấy CNĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Tại thời điểm 31/12/2021	
					Tỷ lệ sở hữu của FIT tại các công ty này	Tỷ lệ biểu quyết của FIT tại các công ty này
1	Công ty cổ phần FIT Cosmetics	22/12/2009	0104344157	Phân phối hóa mỹ phẩm; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu  Chi tiết: - Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt; - Bán buôn bột giấy;	25,35%	49,00%
2	Công ty cổ phần Mũi Dinh Ecopark	07/06/2016	4500605836	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	49,84%	50,00%
3	Công ty cổ phần Chứng khoán Đại Nam	30/10/2007	Số 62/UBCK-GP	Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán	0%	0%

(1): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần FIT Consumer.

(2): Sở hữu gián tiếp thông qua Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T.

#### 4. Định hướng phát triển

Trong nền kinh tế toàn cầu hóa hiện nay, việc xây dựng và phát triển bền vững thị trường tài chính cũng như thị trường bất động sản là một xu thế tất yếu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, là yêu cầu cơ bản để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại. Những bước phát triển tiếp theo của thị trường tài chính và thị trường bất động sản sẽ có sự kết nối lẫn nhau giữa các thị trường này toàn cầu. Nhận thức được vấn đề đó, Việt Nam rất quan tâm chú trọng tới sự phát triển ngành và định hướng sự phát triển sát với xu thế phát triển chung của thế giới.

Trước xu thế hội nhập và phát triển, Việt Nam đang đứng trước những cơ hội để phát triển mạnh mẽ và đi cùng với sự phát triển đó là những cơ hội và thách thức đối với các công ty hoạt động trong các lĩnh vực này để phát triển bền vững.

Với tầm nhìn chiến lược và bề dày kinh nghiệm của Ban lãnh đạo, Tập đoàn F.I.T đã chú trọng nắm bắt quy luật và những yêu cầu tất yếu của thị trường để có chiến lược phát triển phù hợp với đường lối phát triển, quy mô hoạt động, dịch vụ sản phẩm và trình độ công nghệ trong nước và trên thế giới, nhằm tạo ra sức cạnh tranh với các công ty cùng ngành không chỉ trong nước mà còn trong khu vực.

Tập đoàn F.I.T đánh giá định hướng phát triển của công ty phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

##### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Năm 2022 được Tập đoàn F.I.T xác định là năm tiếp tục hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tạo đà cho cả Tập đoàn bước sang giai đoạn phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng đặt ra mục tiêu tìm và lựa chọn các nhà đầu tư nhằm phát triển kinh doanh tại các mảng nhiều tiềm năng như dược phẩm, tiêu dùng nhanh và thực phẩm.

Định hướng hoạt động kinh doanh cho năm 2022 và các năm tiếp theo như sau:

- Tăng tiềm lực tài chính của Tập đoàn qua huy động vốn tại các Công ty thành viên;
- Xây dựng các công ty con trở thành các công ty hàng đầu trong các ngành hàng: dược, tiêu dùng (nước), chế biến thực phẩm, hóa mỹ phẩm, bất động sản nghỉ dưỡng;
- M&A các công ty tốt, tiềm năng, ưu tiên trong các lĩnh vực dược phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, mỏ, bất động sản, du lịch và vui chơi giải trí;
- Tạo dựng hình ảnh thương hiệu FIT & tăng cường quan hệ cổ đông;
- Quản lý tập trung, chặt chẽ trên phạm vi toàn Tập đoàn;
- Các hoạt động quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng, trong đó, tập trung vào quản trị rủi ro tài chính của FIT, rủi ro tín dụng trong các dịch vụ tài chính, rủi ro hoạt động của công ty con, công ty liên kết;
- Xây dựng tổ chức tinh gọn và vận hành xuất sắc;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực và chính sách nhân sự, tăng cường công tác đào tạo nội bộ về nghiệp vụ và văn hóa doanh nghiệp;
- Khởi công dự án Mũi Dinh Padaran;
- Khởi công xây dựng nhà máy vật tư y tế Benovas;
- Đưa vào thương mại hóa thuốc điều trị ung thư.



#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Trong thời gian tới, Tập đoàn F.I.T sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như đầu tư các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.

Tập đoàn F.I.T đã bước đầu chuyển mình từ một công ty đầu tư và tư vấn tài chính thuần túy sang một Tập Đoàn hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập đoàn F.I.T hướng tới mục tiêu trở thành công ty tỷ đô trong tương lai.

Để phát triển bền vững thì Tập đoàn F.I.T luôn xây dựng một hệ thống quản trị chặt chẽ không chỉ từ Công ty mẹ mà xuyên suốt cho đến Công ty con để có được sự nhất quán tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Mục tiêu chính của Tập đoàn F.I.T là hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực, ngành hàng có quy mô lớn tạo ra các sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu của tầng lớp trung lưu tại Việt Nam như Dược phẩm, Thực phẩm và Ngành hàng tiêu dùng nhanh. Đây đều là những ngành hàng thiết yếu và có xu hướng tăng trưởng trong tương lai. Những mặt hàng Tập đoàn F.I.T chọn lựa là nhằm hướng tới đáp ứng nhu cầu tăng nhanh của tầng lớp trung lưu đang gia tăng nhanh chóng tại Việt Nam. Tập đoàn F.I.T nghiên cứu đầu tư vào các Công ty tiềm năng thuộc các ngành hàng phát triển như nói ở trên và sẽ hỗ trợ doanh nghiệp rất nhiều về công tác quản trị điều hành, đầu tư vào sản phẩm khác biệt, thương hiệu mạnh, mở rộng hệ thống bán hàng, kênh phân phối để gia tăng giá trị cho doanh nghiệp và dần từng bước đưa các Công ty này dẫn đầu trong các ngành hàng tham gia.

Bên cạnh đó Bất động sản cũng là một lĩnh vực Tập đoàn F.I.T quan tâm để đầu tư vì đây là lĩnh vực có quy mô, tiềm năng tăng trưởng cao và đem lại mức lợi nhuận lớn. Tuy nhiên Tập đoàn F.I.T sẽ đầu tư một cách thận trọng kết hợp với việc nghiên cứu kỹ lưỡng và quản trị chặt chẽ để đem lại hiệu quả cao nhất cho nguồn vốn đầu tư.

Ngoài ra, Tập đoàn F.I.T vẫn tiếp tục duy trì một danh mục đầu tư ngắn hạn để nắm bắt các cơ hội trên thị trường và tạo ra mức sinh lời cao.

#### 5. Các rủi ro:

##### 5.1. Rủi ro về kinh tế

###### *Rủi ro về kinh tế*

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong giai đoạn năm 2017-2019, nền kinh tế Việt Nam phát triển tương đối ổn định, với tốc độ tăng trưởng GDP năm 2017, 2018, 2019 đạt lần lượt là 6,81%; 7,08% và 7,02% đều vượt mục tiêu do Quốc hội đề ra.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của



dịch Covid – 19 khiến cho nền kinh tế bị đình trệ, Việt Nam vẫn ghi nhận một năm có mức tăng trưởng GDP dương đạt 2,88%, thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, dịch bệnh Covid – 19 với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh.

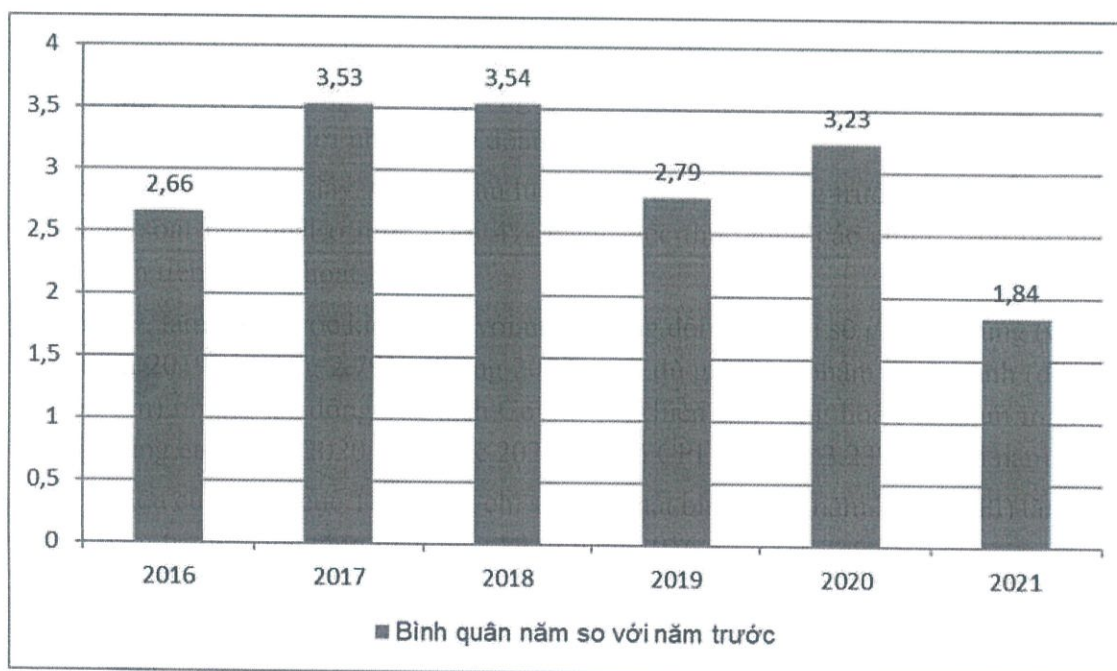
### **Rủi ro lạm phát**

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Năm 2019, lạm phát được kiểm soát với mức tương đối thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 chỉ tăng 2,79%. Trong 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là giá thịt lợn) nhưng tác động của dịch Covid -19 khiến cầu hàng hoá suy giảm mạnh trong những tháng cuối năm 2020. Kết thúc 2020, chỉ số CPI đạt mức 3,23% so với năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016.



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*



### ***Rủi ro về lãi suất***

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trên thực tế, để tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn là một vấn đề còn khó khăn đối với Công ty nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

### ***Rủi ro về luật pháp***

Hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật, chính sách và các quy định tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư... Các hoạt động kinh doanh của Công ty cần nhiều loại giấy phép và chấp thuận từ các cơ quan nhà nước, các giấy phép này trong một số trường hợp nhất định sẽ cần nộp xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn. Công ty không thể đảm bảo với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp giấy phép mới, cho phép sửa đổi hoặc gia hạn giấy phép hiện có cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Công ty dự kiến. Việc mất, hoặc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kì giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng Công ty.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **5.2. Rủi ro đặc thù**

### ***Rủi ro trong mảng đầu tư tài chính***

Đây là lĩnh vực kinh doanh có hệ số rủi ro cao. Thị trường chứng khoán tăng, giảm phụ thuộc vào nhiều nhân tố: sự phát triển của kinh tế vĩ mô, vi mô, của từng ngành, từng doanh nghiệp... kể cả tâm lý của nhà đầu tư. Sự biến động của thị trường chứng khoán sẽ tạo ra sự không ổn định trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty nên đối với lĩnh vực này. Để hạn chế rủi ro, Công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh đa dạng hóa danh mục đầu tư, tập trung đầu tư vào nhóm cổ phiếu có tính thanh khoản cao, ở các ngành nghề trọng điểm và có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Việc lựa chọn ngành, cổ phiếu, xác định thời điểm đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư được tiến hành trên cơ sở lập kế hoạch kinh doanh dài hạn trên cơ sở đã phân tích đánh giá kỹ lưỡng biến động kinh tế và thị trường tiền tệ cũng như xem xét cân nhắc với các rủi ro có thể gặp phải. Điều này đã giúp Công ty giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư.



## Rủi ro trong hoạt động tư vấn

Công ty là doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn đầu tư tài chính và bất động sản. Đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ tư vấn đối với khách hàng là trọng tâm trong hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn, trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Ý thức được rủi ro này, Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định.

### 5.3. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

### 5.4. Rủi ro khác

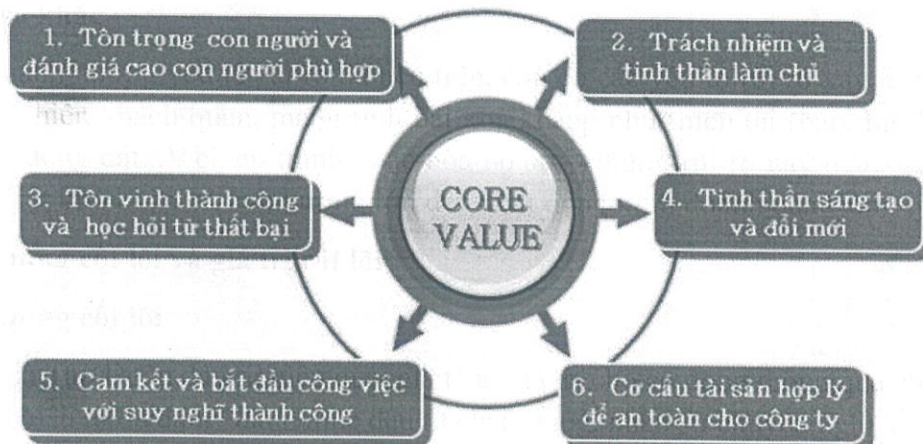
Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## 6. Tư tưởng cốt lõi và giá trị cốt lõi

### 6.1. Tư tưởng cốt lõi

F.I.T là Tập Đoàn đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp.

### 6.2. Giá trị cốt lõi





## 7. Các danh hiệu và giải thưởng

- Top 500 Doanh Nghiệp Tư Nhân lớn nhất Việt Nam 2016: do Báo VietnamNet và Công ty Vietnam Report khảo sát và công bố theo chuẩn mực quốc tế.
- Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế năm 2016.
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt 2015: giải thưởng dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế, do Trung ương Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam phối hợp với Trung ương Hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức
- Doanh nghiệp Việt Nam phát triển bền vững 2014: do Hội đồng Viện Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng tại TP HCM
- Lãnh đạo xuất sắc châu Á Thái Bình Dương 2014 dành cho TGD Tập đoàn F.I.T Nguyễn Thị Minh Nguyệt: do Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Ấn phẩm đối ngoại Asia – Pacific Economic Review, ...trao tặng.

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

### III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

#### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, thế giới phải đương đầu với những thách thức lớn chưa từng có. Đại dịch Covid-19 bùng phát ở hầu hết các quốc gia khiến các Chính phủ phải áp đặt lệnh giãn cách xã hội và kiểm soát chặt biên giới để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh, đặc biệt là sự xuất hiện của hai biến thể Delta và Omicron; xung đột Mỹ - Trung tiếp tục leo thang; sự chia rẽ sâu sắc giữa các nước lớn trong việc đối phó đại dịch và giải quyết các vấn đề toàn cầu... Những biến cố trên đã ảnh hưởng nặng nề đến các hoạt động kinh tế, dòng chảy thương mại và tài chính toàn cầu. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều rơi vào trạng thái tăng trưởng âm; chuỗi cung ứng về vật tư, nguyên liệu và hàng hóa tiêu dùng bị đứt gãy; tỷ lệ thất nghiệp gia tăng; đời sống người dân gặp khó khăn; mâu thuẫn và các tệ nạn xã hội bùng phát.

Tại Việt Nam, cùng với tác động của đại dịch Covid-19 và sự suy thoái kinh tế toàn cầu, thiên tai lũ lụt cũng liên tiếp hoành hành đã tác động mạnh tới các lĩnh vực của nền kinh tế, nhất là các lĩnh vực xuất nhập khẩu, vận tải, du lịch, dịch vụ, bất động sản... đẩy các doanh nghiệp vào tình cảnh khó khăn, phải thu hẹp hoặc tạm dừng sản xuất; khiến tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao; đời sống của người lao động bấp bênh. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch vừa phát triển kinh tế”, Việt Nam vẫn đạt tăng trưởng GDP ở mức 2,58%, tuy là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua nhưng vẫn nằm trong nhóm ít nước có tăng trưởng dương. Các gói hỗ trợ, kích cầu của Chính phủ cũng phần nào tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp và người lao động, giúp nhiều doanh nghiệp trụ vững và vượt qua khủng hoảng.

Năm 2021, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của kinh tế, đặc biệt là đối với các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty như bất động sản, xuất khẩu rau quả đóng hộp, thương mại quốc tế, ...

Với tinh thần hành động quyết liệt, khẩn trương, ngay khi dịch Covid-19 mới xuất hiện, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời, chủ động đưa ra các giải pháp ngăn ngừa dịch bệnh lây lan và ứng phó với những diễn biến bất thường của nền kinh tế, theo phương châm vừa đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Nhờ các giải pháp toàn diện, đúng đắn nêu trên, cùng với tinh thần quyết liệt, ý chí quyết tâm, đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, kết thúc năm 2021, Công ty đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của năm.

Tập đoàn F.I.T đã nỗ lực đạt kết quả khả quan như sau: doanh thu 2021 đạt 1.221 tỷ đồng, tăng 2,7% so với năm 2020, lợi nhuận trước thuế đạt 278 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 158 tỷ đồng, lần lượt cao gấp 2,6 và 2,8 lần so với năm 2020. Năm 2022, Tập đoàn F.I.T chủ yếu tập trung đầu tư sâu rộng vào lĩnh vực dược phẩm, nông nghiệp, thực phẩm đồ uống, bất động sản và cơ cấu lại mô hình quản lý.

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ năm 2020/2019	Năm 2021	Tỷ lệ năm 2021/2020
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.181.475	1.188.427	100,6%	1.220.561	102,7%



STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ năm 2020/2019	Năm 2021	Tỷ lệ năm 2021/2020
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	255.566	266.256	104,2%	306.464	115,1%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	109.821	101.535	92,5%	270.275	266,2%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.021	107.974	90,0%	278.442	257,9%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.076	83.351	90,5%	231.471	277,7%
6	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	70.228	56.453	80,4%	157.969	279,8%

- **Mảng dịch vụ tư vấn, dịch vụ bất động sản tại Công ty mẹ:** Công ty tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn và dịch vụ cho thuê bất động sản. Do ảnh hưởng của dịch Covid, năm 2021, Công ty giảm phí thuê bất động sản để hỗ trợ cho khách hàng và đẩy mạnh mảng dịch vụ tư vấn nên doanh thu dịch vụ tư vấn đạt 6,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ, mặt khác doanh thu dịch vụ cho thuê bất động sản đạt 8 tỷ đồng, giảm 39,2% so với cùng kỳ.
- **Mảng kinh doanh bất động sản tại Công ty mẹ:** Năm 2021, Công ty không thực hiện chuyển nhượng bất động sản nên không ghi nhận doanh thu tại mảng kinh doanh này.
- **Mảng đầu tư tài chính tại Công ty mẹ:** Công ty đẩy mạnh hoạt động đầu tư tài chính trong năm 2021, tận dụng các cơ hội từ thị trường tài chính trong bối cảnh chính phủ thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng. Do đó, doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 đạt 182,2 tỷ đồng, tăng trưởng 2,2 lần so với cùng kỳ năm 2020. Đây là mảng hoạt động truyền thống và thế mạnh ở công ty mẹ và sẽ được tiếp tục đẩy mạnh trong các năm tiếp theo.
- **Mảng dược phẩm (thông qua công ty con cấp 1 là Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (“DCL”)):** DCL sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dược phẩm, viên nang mềm và thiết bị y tế. Năm 2021, DCL tiếp tục theo đuổi những chiến lược phát triển bền vững với logo nổi bật “For Health – For Life” – khẳng định DCL sẽ tiếp tục kết nối và phát triển không ngừng để mang lại những giá trị đóng góp cho sức khỏe cộng đồng.

DCL đã hoàn thành đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất capsule giai đoạn 4 bằng việc lắp đặt 4 máy sản xuất viên nang mới, nâng công suất lên 8,56 tỷ nang/năm, đáp ứng nhu cầu sử dụng nội bộ, khách hàng hiện tại và khách hàng mới khai thác cho năm 2022 và những năm tiếp theo. Bên cạnh đó, DCL cũng đang đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất Thiết bị Y tế Benovas thông qua công ty con Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Benovas, dự kiến hoàn thành đưa vào hoạt động quý II/2022. Nhà máy với công suất thiết kế 300 triệu sản phẩm/năm tạo ra thêm dòng sản phẩm trang thiết bị y tế mới đáp ứng nhu cầu phục vụ chữa bệnh trong



nước và xuất khẩu và góp phần cung cấp thiết bị y tế phòng chống dịch Covid-19.

***Tình hình các mảng kinh doanh của DCL:***

***Mảng dược phẩm đấu thầu ETC:*** có sự cạnh tranh về giá dẫn đến mặt bằng giá bán giảm so với trung bình 2020 và doanh thu các sản phẩm chiến lược tương đương sinh học chưa được công bố theo kế hoạch nên ảnh hưởng trong triển khai đấu thầu. Tình hình dịch Covid-19 làm chậm kế hoạch đấu thầu của các cơ sở y tế so với kế hoạch dự kiến.

***Mảng dược phẩm OTC:*** doanh thu chưa đạt kế hoạch do sự thay đổi về chính sách quản lý của Bộ Y tế đối với nhóm thuốc kháng sinh và các thuốc quản lý đặc biệt làm cho việc kinh doanh nhóm thuốc này cho nhà thuốc khó khăn hơn.

***Mảng viên nang cứng:*** thị trường chung giảm sút do ảnh hưởng của dịch bệnh, nhưng capsule vẫn giữ vững và mở rộng doanh thu, thị trường và thị phần. Trong năm 2021, các nhà máy capsule đều vận hành hết công suất 3 ca nhưng vẫn không đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

***Mảng thiết bị y tế:*** có chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng vẫn duy trì cơ số hàng trúng thầu, doanh thu ít bị ảnh hưởng.

Do các nguyên nhân trên, doanh thu thuần của DCL năm 2021 đạt 704 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 2020.

- ***Mảng kinh doanh nông sản và giống cây trồng (thông qua công ty con cấp 1 - TSC):*** Tiếp tục thực hiện việc thu hẹp mảng kinh doanh nông sản, hạn chế tối đa rủi ro, TSC tập trung đầu tư vào những nông sản mang lại nguồn lợi cao, có lợi thế và khả năng cạnh tranh như tinh bột sắn. Doanh thu thuần năm 2021 đạt 517 tỷ đồng tăng 12% so với cùng kỳ. Đáng chú ý, lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 132 tỷ đồng, gấp 6,9 lần so với năm 2020.
- ***Mảng nước khoáng, nước giải khát (thông qua công ty con cấp 2 - Vikoda):*** nhờ điều chỉnh chiến lược kinh doanh và sản phẩm đúng đắn, tập trung vào sản phẩm nước khoáng và các thị trường có thể mạnh truyền thống, VKD đã có nhiều bước tiến trong năm 2021. Dù vẫn bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19, doanh thu thuần năm 2021 đạt 248 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ năm 2020.
- ***Mảng hoá mỹ phẩm (thông qua công ty liên kết - Công ty cổ phần FIT Cosmetics):*** Năm 2021, tiếp tục tập trung vào hoạt động tái cơ cấu đội ngũ bán hàng (tinh gọn, hiệu quả, tăng năng suất bán hàng bình quân), tái cơ cấu danh mục 4 sản phẩm, loại các SKU doanh số thấp, không có triển vọng, tập trung vào các ngành hàng có size lớn, nhiều tiềm năng. Năm 2022, dự kiến sẽ thấy rõ hiệu quả của các hoạt động tái cấu trúc này. Doanh thu thuần năm 2021 đạt 62 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ năm 2020.
- ***Mảng chế biến thực phẩm xuất khẩu (thông qua công ty con cấp 2 - Westfood):*** Westfood đã đầu tư phát triển vùng nguyên liệu dứa MD2 (khóm MD2) với mục đích phát triển dòng sản phẩm dứa mới, hiệu quả hơn cả về chất lượng sản phẩm và giá trị thương mại, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng trên thị trường và qua đó gia tăng doanh thu, lợi nhuận cho công ty.

Westfood hiện đang sở hữu 04 dây chuyền IQF và 02 dây chuyền đóng lon thanh trùng theo công nghệ sản xuất tiêu chuẩn châu Âu cùng hệ thống dây chuyền tiền đông, cắt và cấp đông nhanh cá thể hoàn toàn tự động, đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của những



thị trường lớn. Trong những năm qua, ngoài việc tiếp tục phát triển quy mô vùng nguyên liệu chính, Westfood đã đầu tư thêm dây chuyền đóng cốc nhựa và máy phóng nhãn hiện đại của Hàn Quốc, nhằm đa dạng hóa và gia tăng công suất sản lượng mảng kinh doanh sản phẩm đóng hộp.

Ngoài ra, Westfood đã đầu tư rất nhiều cho hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại, bắt đầu được đưa vào hoạt động từ các năm trước. Đây chính là một trong những lợi thế cạnh tranh giúp cho đối tác Hàn Quốc mà còn nhiều đối tác tiềm năng khác như Nhật Bản, châu Âu, Mỹ... tin tưởng lựa chọn Westfood là đối tác tin cậy và hợp tác lâu dài. Với những yếu tố sẵn có về vùng nguyên liệu và hạ tầng cơ sở, Westfood hiện đang có sự chuyển mình tích cực trong hiện tại.

Bên cạnh đó với sự đầu tư lớn và hoạch định chiến lược rõ ràng từ công ty mẹ, Westfood đang trên đà phát triển tương xứng với tiềm năng vốn có của mình, hướng tới trở thành một trong những công ty xuất nhập khẩu trái cây cấp đông, đóng lon và đóng cốc nhựa lớn tại Việt Nam. Năm 2021, Westfood đạt doanh thu thuần 279 tỷ đồng, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm 2020.

- **Mảng bất động sản (thông qua công ty con cấp 1 là Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T và công ty liên kết là Công ty cổ phần Mũi Dinh Ecopark):** Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T đang đầu tư kinh doanh bất động sản thông qua công ty liên kết là Công ty cổ phần Mũi Dinh Ecopark. Công ty cổ phần Mũi Dinh Ecopark là chủ đầu tư của Dự án Mũi Dinh Padaran tại Ninh Thuận, với diện tích 800 ha tọa lạc trên một địa hình độc đáo tại Việt Nam với núi đá, các đồi cát, các tiểu sa mạc nằm ngay sát các bãi biển hình vòng cung. Dự án Mũi Dinh Padaran không chỉ độc đáo do địa hình tự nhiên mà còn có sự độc đáo trong kiến trúc, lấy cảm hứng từ văn hóa Champa, và đặc biệt là khu resorts với dịch vụ hoàn hảo của tổ hợp du lịch có một không hai, hứa hẹn sẽ là một điểm đến lý tưởng, thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước. Dự án hiện đang trong giai đoạn hoàn thiện các giấy phép xây dựng và dự kiến khởi công vào quý I/2022.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức danh
<b>I</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>	
1	Nguyễn Ngọc Bích	Tổng Giám đốc
2	Vũ Thị Minh Hoài	Phó Tổng Giám đốc thường trực
<b>II</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng

#### ❖ Ông Nguyễn Ngọc Bích – Tổng giám đốc

Họ và tên : NGUYỄN NGỌC BÍCH

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 06/04/1986

Nơi sinh : Hưng Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hưng Yên

Trình độ văn hóa : Cử nhân

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ 2018 – đến nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm

Từ 2019 – đến nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Từ T6/2021 – đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần FIT Consumer

Từ T6/2021 – đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Westfood Hậu Giang

Từ T6/2021 – đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas

Từ T1/2022 – đến nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Tổng giám đốc Công ty

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

❖ **Bà Vũ Thị Minh Hoài – Phó Tổng giám đốc thường trực**

Họ và tên : **VŨ THỊ MINH HOÀI**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 12/09/1988

Nơi sinh : Hùng Thắng – Tiên Lãng – Hải Phòng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hải Phòng



Trình độ văn hóa : Cử nhân

Trình độ chuyên môn : Kế toán và Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Từ 2010 – 2011 : Chuyên viên tại Công ty TNHH F.A.C

Từ 2011 – 2013 : Chuyên viên tại Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Vietland

Từ 2014 – đến nay : Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Đầu tư Dũng Tâm

Từ 2016 – đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bất động sản F.I.T

Từ 2020 – đến nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Today Cosmetics

Từ 2020 – đến nay : Tổng giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dược phẩm VPC - Sài Gòn

Từ 2020 – đến nay : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần FIT Cosmetics

Từ 2020 – đến nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas

---

Từ T5/2021 – đến nay : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long

Từ T12/2021 – đến nay : Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

❖ **Bà Nguyễn Thị Nga - Kế toán trưởng**

Họ và tên : NGUYỄN THỊ NGA

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 26/10/1993

Nơi sinh : Phú Thịnh, Kim Động, Hưng Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hưng Yên  
Trình độ văn hóa : Cử nhân  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế, CPA Việt Nam

Quá trình công tác:

Từ 11/2014 - 6/2020 : Chuyên viên tại Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Từ 9/2021 – Nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ và được ủy quyền đại diện : 5.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện : Không có

## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	NỘI DUNG THAY ĐỔI	NGÀY THAY ĐỔI
1	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Phan Thị Hòa	01/09/2021
2	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Nga	01/09/2021
3	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực với bà Vũ Thị Minh Hoài	24/12/2021
4	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	05/01/2022
5	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Ngọc Bích	05/01/2022

## 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp nên FIT luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

### 2.3.1. Công ty mẹ và các công ty thành viên



- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2019 là 1.804 người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2020 là 1.739 người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty thành viên tại thời điểm 31/12/2021 là: 2.122 người.

*Cơ cấu nhân sự của FIT và các công ty thành viên trong 03 năm gần nhất*

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số nhân viên tại thời điểm		
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>1.804</b>	<b>1.739</b>	<b>2.122</b>
1	Nam	1052	1011	1.387
2	Nữ	752	728	735
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>1.804</b>	<b>1.739</b>	<b>2.122</b>
1	Trình độ trên Đại học	27	25	28
2	Trình độ Đại học	427	431	464
3	Đối tượng khác	1350	1.283	1.630
<b>III</b>	<b>Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ</b>	<b>1.804</b>	<b>1.739</b>	<b>2.122</b>
1	Lao động thường xuyên	1.804	1.739	2.122
2	Lao động thời vụ	0	0	0

*Nguồn: FIT và các công ty thành viên*

**2.3.2. Công ty mẹ**

- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019 là 40 người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2020 là 40 người.
- Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2021 là 40 người.

*Cơ cấu nhân sự của FIT tại thời điểm 31/12/2021*

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số nhân viên tại thời điểm		
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
<b>I</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>40</b>

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số nhân viên tại thời điểm		
		31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
1	Nam	17	15	18
2	Nữ	23	25	22
II	<b>Phân theo trình độ học vấn</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>40</b>
1	Trình độ trên Đại học	07	05	07
2	Trình độ Đại học	29	31	30
3	Đối tượng khác	04	04	03
III	<b>Phân theo lao động thường xuyên/thời vụ</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>40</b>
1	Lao động thường xuyên	40	40	40
2	Lao động thời vụ	0	0	0

### 2.3.3. Chính sách đối với người lao động

#### ▪ Chế độ làm việc

- Công ty tổ chức làm việc 7 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. Ngoài ra, khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, FIT có thể yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, đồng thời thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước;
- Tất cả nhân viên đều được nghỉ phép năm theo chế độ của Nhà nước hiện hành và được xét lên lương khi đến kỳ hạn hoặc có thành tích xuất sắc;
- Điều kiện làm việc: Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị làm việc cho nhân viên. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và luôn tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về an toàn lao động.

#### ▪ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

- Tất cả nhân viên của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Chính sách đãi ngộ hợp lý thể hiện qua quy chế tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng mở, linh hoạt, phản ánh đúng kết quả người lao động.
- Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty còn có thưởng thêm cho nhân viên vào các dịp lễ, tết. Ngoài ra, hàng năm Công ty còn trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ những cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn và có các chế độ ưu đãi về nhà ở cho tất cả nhân viên Công ty.
- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động: Công ty không có quy chế phát hành cổ



phiếu cho người lao động chung. Tuy nhiên, với mỗi lần phát hành cổ phiếu cho người lao động, HĐQT Công ty sẽ phê duyệt và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động tùy từng thời điểm.

▪ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

- Hàng năm, các phòng/bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng, xác định chức danh, số lượng nhân sự cần tuyển và thời điểm tuyển dụng, để làm cơ sở thực hiện.
- Trong trường hợp phát sinh nhu cầu nhân sự đột xuất do: công việc phát sinh, nhân sự thôi việc, điều chuyển, cử đi học hoặc thăng tiến ... thì phòng/ bộ phận Công ty lập kế hoạch tuyển dụng đột xuất.
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và nhu cầu thực tế gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ. Căn cứ định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đề ra, Phòng Hành chính – Nhân sự lập kế hoạch đào tạo gắn với kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Công ty, trình Tổng giám đốc xem xét, phê duyệt. Kế hoạch đào tạo của Phòng Hành chính – Nhân sự lập ra phải theo nhu cầu đào tạo cán bộ, nhân viên của các Phòng, Ban, Bộ phận công tác; đồng thời phải mang tính chất tiên liệu, dự báo nhu cầu đào tạo nhân sự như một nguồn lực để hỗ trợ cho Công ty hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh hàng năm đề ra.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**3.1. Các khoản đầu tư lớn**

Các Hợp đồng lớn đã thực hiện trong năm 2021:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
<b>I.</b>	<b>Hợp đồng đầu vào</b>							
1	2021.01/HMTD/VPB-FIT	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản	08/10/2021	08/10/2021	150,0	Không	Không có
2	2021.01/HMTD/VPB-FIT	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Hợp đồng cho vay hạn mức	08/10/2021	08/10/2021	60,0	Không	Không có
3	01/2021/226853 9/HBTC	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hợp đồng hạn mức thấu chi	26/03/2021	26/03/2021	50,0	Không	Không có
4	216/KA/VKD/20 21	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Hợp đồng mua hàng hóa	15/05/2021	15/05/2021	1,5	Công ty con của FIT; có thành viên HĐQT FIT (Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Thị Minh Nguyệt) cũng đồng thời là thành viên HĐQT	Không có
5	02-21/DCL-FIT	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Hợp đồng mua máy định lượng Realtime PCR	18/05/2021	18/05/2021	3,3	Không	Không có
6	01-21/DCL-FIT	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Hợp đồng mua dược phẩm	18/05/2021	18/05/2021	0,4	Công ty con của FIT, có thành viên HĐQT FIT (Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Thị Minh Nguyệt) cũng đồng thời là thành viên HĐQT của công ty này	Không có
7	FIT-01-21	Công ty cổ phần FIT Cosmetics	Hợp đồng mua hàng hóa	20/05/2021	20/05/2021	0,5	Công ty con của FIT; có thành viên HĐQT FIT (Phan Minh Sáng) cũng đồng thời là thành viên HĐQT của công ty này	Không có



TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
8	01/WF-FIT/0621	Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Hợp đồng mua hàng hóa	01/06/2021	01/06/2021	0,9	Công ty con của FIT; có thành viên HĐQT FIT (Nguyễn Thị Minh Nguyệt) cũng đồng thời là thành viên HĐQT của công ty này	Không có
9	01-2021/FIT-AAKER/HD	Công ty cổ phần AAKER Việt Nam	Hợp đồng truyền thông	22/06/2021	22/06/2021	0,3	Không	Không có
<b>II. Hợp đồng đầu ra</b>								
1	VPBFC/TGCKH-3550/2021	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Hợp đồng tiền gửi	02/12/2021	02/12/2021	70	Không	Không có
2	1064/2021/PSI-HĐMTP	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Trái phiếu PSI	17/09/2021	17/09/2021	45	Không	Không có
3	01/2021/HĐTV/FIT-DCL	Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Hợp đồng tư vấn	02/01/2021	02/01/2021	3,3	Công ty con của FIT, có thành viên HĐQT FIT (Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Thị Minh Nguyệt) cũng đồng thời là thành viên HĐQT của công ty này	Không có
4	03/20201/HDDT V/FIT-VKD	Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Hợp đồng tư vấn	02/01/2021	02/01/2021	1,9	Công ty con của FIT; có thành viên HĐQT FIT (Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Thị Minh Nguyệt) cũng đồng thời là thành viên HĐQT của công ty này	Không có
5	255/2021/PSI-HĐMTP	Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Trái phiếu PSI	20/4/2021	20/4/2021	10	Không	Không có

### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Tình hình đầu tư của Công ty tại một số công ty con như sau:

#### ❖ Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long (công ty con cấp 1)

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2018 – 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
<b>Tài sản</b>				
Tài sản ngắn hạn	1.247	1.377	1.442	1.261
Tài sản dài hạn	484	336	358	520
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.731</b>	<b>1.712</b>	<b>1.800</b>	<b>1.781</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Nợ phải trả	926	828	829	759
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>269</i>	<i>342</i>	<i>327</i>	<i>343</i>
Vốn chủ sở hữu	805	884	971	1.022
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>1.731</b>	<b>1.712</b>	<b>1.800</b>	<b>1.781</b>
<b>Khả năng tự tài trợ</b>				
Hệ số tự tài trợ	0,47	0,52	0,54	0,57
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	1,66	2,63	2,71	1,97
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán tổng quát	1,35	1,66	1,74	2,35
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	4,64	4,03	4,42	3,68
<b>Kết quả hoạt động</b>				
Doanh thu thuần	804	752	671	704
Tăng trưởng (% YOY)	5%	-6%	-11%	5%
Giá vốn	596	565	484	494



Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
Tăng trưởng (% YOY)	16%	-5%	-14%	2%
Lợi nhuận gộp	208	187	188	210
Tăng trưởng (% YOY)	-17%	-10%	0%	12%
Biên lợi nhuận gộp (%)	26%	25%	28%	30%
Lợi nhuận sau thuế	13	87	69	88
Tăng trưởng (% YOY)	-83%	585%	-21%	28%
ROE (%)	2%	10%	7%	9%
ROA (%)	1%	5%	4%	5%

Xét về tổng quan, doanh thu thuần của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long duy trì tương đối ổn định trong giai đoạn 2018-2021 với giá trị doanh thu thuần dao động khoảng 671 tỷ đồng đến 804 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 13 tỷ đồng, nhưng giai đoạn 2019-2021, lợi nhuận sau thuế của Công ty khá ổn định và đạt khoảng 69 tỷ đồng đến 88 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) trong những năm gần đây khá tốt đạt lần lượt 10%, 7% và 9% cho các năm 2019, 2020 và 2021.

Như vậy, kết quả kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty trong giai đoạn 2018 – 2021 là tương đối ổn định. Trong tương lai, dự báo doanh thu, lợi nhuận của Công ty cổ phần Dược phẩm Cửu Long sẽ cải thiện hơn khi nhà máy capsule 3, capsule 4, nhà máy vật tư y tế đi vào hoạt động.

#### ❖ Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (công ty con cấp 1)

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2018 – 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
<b>Tài sản</b>				
Tài sản ngắn hạn	445	377	951	1.015
Tài sản dài hạn	1.574	1.564	1.041	1.289
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.020</b>	<b>1.941</b>	<b>1.992</b>	<b>2.303</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Nợ phải trả	198	120	157	289

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	187	113	149	274
Vốn chủ sở hữu	1.822	1.821	1.835	2.015
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.020</b>	<b>1.941</b>	<b>1.992</b>	<b>2.303</b>
<b>Khả năng tự tài trợ</b>				
Hệ số tự tài trợ	0,90	0,94	0,92	0,87
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	1,16	1,16	1,76	1,56
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán tổng quát	10,22	16,21	12,70	7,97
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	2,38	3,34	6,38	3,70
<b>Kết quả hoạt động</b>				
Doanh thu thuần	778	417	460	517
Tăng trưởng (% YOY)	-6%	-46%	10%	12%
Giá vốn	665	355	387	418
Tăng trưởng (% YOY)	-6%	-47%	9%	8%
Lợi nhuận gộp	113	61	73	100
Tăng trưởng (% YOY)	-4%	-46%	19%	37%
Biên lợi nhuận gộp (%)	15%	15%	16%	19%
Lợi nhuận sau thuế	-31	1	17	132
Tăng trưởng (% YOY)	-2%	102%	2139%	687%
ROE (%)	-2%	0,04%	0,91%	7%
ROA (%)	-2%	0,04%	0,84%	6%

Doanh thu của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (“TSC”) tương đối ổn định trong giai đoạn 2018 – 2021 từ khoảng 421 tỷ đồng đến 778 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của TSC tăng trưởng tốt và lần lượt đạt -31 tỷ đồng, 1 tỷ đồng, 17 tỷ đồng và 132 tỷ đồng trong giai đoạn 2018-2021.

Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu và tài sản năm 2018 và 2019 lần lượt là -2%, 0,1%, năm



2021 tăng lên 7%. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của TSC các năm trong quá khứ là kém hiệu quả và bắt đầu có sự cải thiện từ năm 2021.

❖ **Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (công ty con cấp 2)**

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn năm 2018 – 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
<b>Tài sản</b>				
Tài sản ngắn hạn	166	160	225	240
Tài sản dài hạn	269	269	257	236
<b>Tổng tài sản</b>	<b>436</b>	<b>430</b>	<b>482</b>	<b>476</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Nợ phải trả	44	31	64	40
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>36</i>	<i>31</i>	<i>64</i>	<i>40</i>
Vốn chủ sở hữu	392	399	418	436
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>436</b>	<b>430</b>	<b>482</b>	<b>476</b>
<b>Khả năng tự tài trợ</b>				
Hệ số tự tài trợ	0,90	0,93	0,87	0,92
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	1,46	1,48	1,63	1,85
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán tổng quát	9,91	13,87	7,53	11,90
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	4,61	5,16	3,52	6,00
<b>Kết quả hoạt động</b>				
Doanh thu thuần	290	253	292	279
Tăng trưởng (% YOY)	6%	-13%	16%	-4%
Giá vốn	234	205	232	227
Tăng trưởng (% YOY)	7%	-13%	13%	-2%

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
Lợi nhuận gộp	55	48	60	52
Tăng trưởng (% YOY)	3%	-13%	25%	-13%
Biên lợi nhuận gộp (%)	19%	19%	21%	19%
Lợi nhuận sau thuế	15	7	20	18
Tăng trưởng (% YOY)	-16%	-49%	164%	-10%
ROE (%)	4%	1,9%	5%	4%
ROA (%)	3%	1,7%	4%	4%

Doanh thu của Công ty CP Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây (“Westfood”) trong giai đoạn năm 2018 – 2021 ổn định trong khoảng 290 tỷ đồng, lợi nhuận gộp trong khoảng 50 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp dao động trong khoảng 20%, lợi nhuận sau thuế tăng từ 7 lên 18 tỷ đồng. Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu và tài sản trong khoảng 3 - 5%.

❖ Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hoà (công ty con cấp 2)

Tình hình tài chính của doanh nghiệp giai đoạn 2018 – 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
<b>Tài sản</b>				
Tài sản ngắn hạn	72	113	130	210
Tài sản dài hạn	160	150	137	106
<b>Tổng tài sản</b>	<b>232</b>	<b>264</b>	<b>267</b>	<b>315</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
Nợ phải trả	77	93	93	123
<i>Trong đó: Nợ ngắn hạn</i>	<i>71</i>	<i>82</i>	<i>83</i>	<i>113</i>
Vốn chủ sở hữu	155	171	174	192
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>232</b>	<b>264</b>	<b>267</b>	<b>315</b>
<b>Khả năng tự tài trợ</b>				
Hệ số tự tài trợ	0,67	0,65	0,65	0,61



Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021
Hệ số tự tài trợ tài sản dài hạn	0,97	1,14	1,27	1,82
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán tổng quát	0,94	1,22	1,39	2,56
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,02	1,38	1,56	1,86
<b>Kết quả hoạt động</b>				
Doanh thu thuần	217	290	248	248
Tăng trưởng (% YOY)	3%	34%	-15%	0%
Giá vốn	163	167	144	149
Tăng trưởng (% YOY)	3%	2%	-15%	3%
Lợi nhuận gộp	54	123	104	99
Tăng trưởng (% YOY)	3%	128%	-14%	-5%
Biên lợi nhuận gộp (%)	25%	42%	43%	40%
Lợi nhuận sau thuế	-0,22	16	2,6	13
Tăng trưởng (% YOY)	-1926%	7326%	-84%	412%
ROE (%)	0%	9,5%	3%	7%
ROA (%)	0%	6,1%	2%	4%

Doanh thu của Công ty cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa tăng mạnh trong giai đoạn 2018 – 2021 tăng từ 217-290 tỷ đồng, lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 54-123 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp tăng mạnh từ 25 - 43%, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ tăng nhẹ từ -0,22 lên 13 tỷ đồng. Doanh nghiệp kỳ vọng các năm trong tương lai khi kế hoạch mở rộng thị trường với các dòng sản phẩm mới cao cấp, có lợi cho sức khoẻ người tiêu dùng gắn với các giá trị cốt lõi, khác biệt của công ty được tung ra theo lộ trình và chiến lược sản phẩm sẽ giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có kết quả tích cực hơn.

#### 4. Tình hình tài chính

##### 4.1. Tình hình tài chính

4.1.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn năm 2019 - 2021 của Công ty hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	Năm 2021 (triệu đồng)	% tăng giảm năm 2021 so với năm 2020
Tổng tài sản	5.284.711	5.283.977	-0,01%	5.984.081	13,25%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.181.475	1.188.427	0,59%	1.220.561	2,70%
Lợi nhuận gộp	255.566	266.256	4,18%	306.464	15,10%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	109.821	101.535	-7,55%	270.275	166,19%
Lợi nhuận khác	10.200	6.440	-36,87%	8.167	26,83%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	120.021	107.974	-10,04%	278.442	157,88%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.076	83.351	-9,48%	231.471	177,71%

4.1.2. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong giai đoạn năm 2019 - 2021 của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	Năm 2021 (triệu đồng)	% tăng giảm năm 2021 so với năm 2020
Tổng tài sản	3.182.304	3.130.920	-1,6%	3.398.080	8,5%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.169	65.619	196,0%	14.495	-77,9%
Lợi nhuận gộp	11.261	9.190	-18,4%	5.570	-39,4%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.986	12.782	-41,9%	133.881	947,5%
Lợi nhuận khác	2.836	227	-92,0%	(87)	-138,4%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.822	13.008	-47,6%	133.794	928,5%
Lợi nhuận sau thuế	20.919	11.548	-44,8%	114.895	894,9%



Chỉ tiêu	Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	% tăng giảm năm 2020 so với năm 2019	Năm 2021 (triệu đồng)	% tăng giảm năm 2021 so với năm 2020
thu nhập doanh nghiệp					
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0	0	0%	0 (*)	0%

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021, ĐHĐCĐ đã thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2020. Hiện tại, đợt trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 chưa được thực hiện và dự kiến sẽ được thực hiện đồng thời với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này. Thông tin chi tiết về đợt trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 sẽ được trình bày chi tiết tại khoản 15, mục VII của Bản cáo bạch này.

#### 4.1.3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,86	4,53	3,19
- Hệ số thanh toán nhanh:				
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,49	4,16	2,87
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	23,43	23,42	21,46
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,59	30,58	27,33
3. Năng lực hoạt động				
- Vòng quay tổng tài sản:				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,23	0,22	0,22
- Vòng quay vốn lưu động:				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,44	0,39	0,35

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
- Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,90	3,42	2,84
4. Khả năng sinh lời				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,79	7,01	18,96
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):				
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,76	1,58	4,11
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):				
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,30	2,06	5,29
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ cổ phần	276	222	620

4.1.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty riêng

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,408	4,088	4,769
- Hệ số thanh toán nhanh:				
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,408	4,088	4,764
2. Cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,897%	7,034%	8,597%



Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,766%	7,566%	9,405%
<b>3. Năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay tổng tài sản:				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,007	0,021	0,004
- Vòng quay vốn lưu động:				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,026	0,072	0,013
- Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Lần	-	-	12,936
<b>4. Khả năng sinh lời</b>				
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS):				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	94,362%	17,599%	792,625%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA):				
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,680%	0,366%	3,520%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE):				
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,724%	0,398%	3,819%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/cổ phần	82	45	451

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**5.1. Cổ phần**

Tổng số cổ phần: 262.730.247 cổ phiếu

**5.2. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 22/3/2021**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập:	9.940.000	3,9%	2	0	2
	- Trong nước	9.940.000	3,9%	2	0	2
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn:	145.331.823	57,05%	2	2	0
	- Trong nước	145.331.823	57,05%	2	2	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty:	0	0	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác:	99.458.424	39,04%	8727	53	8674
	- Trong nước	95.181.094	37,37%	8663	39	8624
	- Nước ngoài	4.277.330	1,68%	64	14	50
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>254.730.247</b>	<b>100%</b>	<b>8731</b>	<b>55</b>	<b>8676</b>
<i>Trong đó: - Trong nước</i>		250.452.917	98.32%	8667	41	8626
<i>- Nước ngoài</i>		4.277.330	1,68%	64	14	50

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T được thành lập với hình thức Công ty cổ phần từ năm 2007 với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng. Từ đó đến nay, Công ty đã có 13 lần tăng vốn và không có lần giảm vốn điều lệ nào. Cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
1	22/03/2011	75.000	110.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Phát hành cho cổ đông hiện hữu:</li> <li>- Số lượng cổ đông: 33</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 3.500.000 cổ phần</li> <li>✓ Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:</li> <li>- Số lượng đối tác chiến lược: 3</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/08/2010;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 06 ngày 31/08/2011</li> </ul>
2	10/02/2012	40.000	150.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Phát hành cho cổ đông hiện hữu:</li> <li>- Số lượng cổ đông: 39</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 11:4</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 01/11/2011;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 08 ngày 27/08/2012</li> </ul>
3	20/12/2013	7.500	157.500	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu:</li> <li>- Số lượng cổ đông: 238</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 20:1</li> <li>- Số lượng phát hành: 750.000 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 19/01/2013;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 12 ngày 23/01/2014</li> </ul>
4	05/05/2014	157.500	346.499,96	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu:</li> <li>- Số lượng cổ đông: 849</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 ngày 19/01/2013;</li> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1</li> <li>- Số lượng phát hành: 3.149.999 cổ phần</li> <li>✓ <b>Phát hành cho cổ đông hiện hữu:</b></li> <li>- Số lượng cổ đông: 763</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:65</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 10.237.497 cổ phần</li> <li>✓ <b>Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:</b></li> <li>- Số lượng đối tác chiến lược: 1</li> <li>- Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 4.725.000 cổ phần</li> <li>✓ <b>Phát hành cho cán bộ công nhân viên:</b></li> <li>- Số lượng CBCNV: 33</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 787.500 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- năm 2014 ngày 18/01/2014;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 14 ngày 18/06/2014</li> </ul>
5	01/08/2014	121.274,98	467.774,94	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Phát hành cho cổ đông hiện hữu:</b></li> <li>- Số lượng cổ đông: 1.382</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:35</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 12.127.498 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 18/01/2014;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 16 ngày 02/10/2014</li> </ul>
6	06/11/2014	32.225	499.999,94	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:</b></li> <li>- Số lượng đối tác chiến lược: 2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> </ul>



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 3.225.500 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 17 ngày 25/12/2014</li> </ul>
7	07/2/2015	392.124,94	892.124,88	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu:</b></li> <li>- Số lượng cổ đông: 2.370</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:15</li> <li>- Số lượng phát hành: 7.499.999 cổ phần</li> <li>✓ <b>Phát hành cho cổ đông hiện hữu:</b></li> <li>- Số lượng cổ đông: 2130</li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:60</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 29.999.996 cổ phần</li> <li>✓ <b>Phát hành cho cán bộ công nhân viên (đợt 1 năm 2015):</b></li> <li>- Số lượng CBCNV: 39</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 1.712.499 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 19 ngày 05/03/2015</li> </ul>
8	20/05/2015	892.124,88	1.784.249,76	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Phát hành cho cổ đông hiện hữu:</b></li> <li>- Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 89.212.488 cổ phần</li> <li>- Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Đại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 28/02/2015;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
9	22/06/2015	7.875,01	1.792.124,77	Nam ✓ Phát hành cho cán bộ công nhân viên (đợt 2 năm 2015): - Số lượng CBCNV: 16 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần - Số lượng phát hành: 787.501 cổ phần	lần thứ 21 ngày 20/06/2015 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 26/04/2014; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 22 ngày 20/07/2015
10	05/07/2016	143.364,85	1.935.489,62	✓ Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu: - Số lượng cổ đông: 4579 - Tỷ lệ phân bổ quyền: (100:8) - Số lượng phát hành: 14.336.485 cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 22/04/2016; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 24 ngày 01/08/2016
11	27/10/2016	300.000	2.235.489,62	✓ Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: - Ngày đáo hạn trái phiếu: 26/10/2016 - Ngày chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: 27/10/2016 - Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu - Giá bán trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu - Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000 trái phiếu - Tỷ lệ chuyển đổi: 1:10 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành mười cổ phần) - Mệnh giá cổ phần đã được chuyển đổi: 10.000 đồng/cổ phần	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/04/2014; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 26 ngày 20/12/2016



Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ quan chấp thuận
12	09/01/2017	311.812,85	2.547.302,47	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phần đã được chuyển đổi: 30.000.000 cổ phần</li> <li>✓ <b>Phát hành cho NĐT là đối tác chiến lược:</b></li> <li>- Số lượng đối tác chiến lược: 03</li> <li>- Giá phát hành: 11.500 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 31.181.285 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/9/2016;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 27 ngày 13/02/2017</li> </ul>
13	05/10/2021	80.000	2.627.302,47	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ <b>Phát hành cho cán bộ công nhân viên:</b></li> <li>- Số lượng CBCNV: 70</li> <li>- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần</li> <li>- Số lượng phát hành: 8.000.000 cổ phần</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ngày 22/04/2021;</li> <li>- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102182140 thay đổi lần thứ 29 ngày 08/11/2021</li> </ul>

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:**

Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**6.2. Chính sách liên quan đến người lao động**

**6.2.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**

**a. Số lượng lao động**

Tổng số nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 40 người.

**b. Mức lương bình quân**

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	21.715.566	22.972.420	21.578.902

**6.2.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:**

Văn phòng Tập đoàn F.I.T tự hào sở hữu nhiều hạng cơ sở hạ tầng hiện đại như: hệ thống các phòng họp trực tuyến với hệ thống âm thanh cao cấp, bếp ăn có sức chứa gần 100 người, phòng tập gym, máy móc thiết bị hiện đại khác, tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Tập đoàn F.I.T luôn quan tâm đến sức khỏe của CBNV và đã thực hiện mua gói Bảo hiểm sức khỏe bổ sung và bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Điều đó tạo nên một trong những lợi thế cạnh tranh của F.I.T trên thị trường.

Năm 2021, Tập đoàn F.I.T duy trì và củng cố hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho CBNV thông qua các khóa đào tạo: kỹ năng thuyết trình, Mindfulness based transformation... Với mong muốn xây dựng Tập đoàn F.I.T trở thành một môi trường học tập, F.I.T chú trọng triển khai các hoạt động FIT Club định kỳ trong năm và luôn thu hút sự tham gia đông đủ của CBNV.

Không những quan tâm đến việc nâng cao năng lực chuyên môn, Tập đoàn F.I.T luôn chú trọng đến những hoạt động mang lại sự cân bằng sức khỏe cho CBNV như mở các lớp học yoga, tập nhảy, tập gym tại văn phòng.

Các hoạt động văn hóa gắn kết tại Tập đoàn F.I.T luôn diễn ra sôi nổi và sáng tạo. Với nhiều sự kiện lớn, nhỏ diễn ra trong năm như: tiệc chào mừng năm mới, sinh nhật công ty, teambuilding, ngày phụ nữ Việt Nam, tiệc cuối năm... Mỗi sự kiện đều luôn để lại những ấn tượng sâu sắc về tinh thần đoàn kết, sự sáng tạo và nhiệt tình của toàn thể CBNV.



### 6.2.3. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 08 giờ/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đã lên kế hoạch để triển khai các chương trình. Theo đó, trong năm 2021, phòng nhân sự đã kết hợp cùng các phòng ban xây dựng lộ trình thăng tiến IDP cho từng CBNV, đồng thời lên kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa, từ đó mỗi CBNV sẽ nhận dạng được những năng lực cần bổ sung, bồi dưỡng để có thể phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu nghề nghiệp của bản thân tại F.I.T.

### 6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong những năm qua, Tập đoàn F.I.T và các công ty thành viên luôn đồng hành cùng xã hội thông qua các hoạt động thiết thực, ý nghĩa. Trước ảnh hưởng của dịch Covid, F.I.T và các công ty thành viên đã đồng tâm hiệp lực thực hiện chương trình các chương trình lớn như “F.I.T chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng”, “Tiếp sức bệnh viện Nhiệt Đới Trung Ương chống dịch Covid 19”, tài trợ tiền mặt theo lời kêu gọi của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đồng hành cùng cả nước chống dịch.

Bên cạnh các chương trình xã hội có quy mô lớn, hàng tháng, hàng quý, Tập đoàn và các công ty thành viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội trên nhiều lĩnh vực như đời sống, giáo dục, y tế, thể thao..., tích cực chia sẻ yêu thương đối với cộng đồng và góp phần nâng cao đời sống của người Việt, có thể kể đến như các chương trình tặng quà cho các em nhỏ tại Trung tâm Bảo trợ Xã hội IV tại Ba Vì; tặng xe đạp cho trẻ em nghèo hiếu học; tài trợ Ngày hội chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; đồng hành cùng các chương trình bảo vệ môi trường, giảm thiểu rác thải; tài trợ các giải Golf cấp Quốc gia, cung cấp nước uống độ quyền trong các giải đấu;

## IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T cũng bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung của kinh tế, đặc biệt là đối với các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của Công ty như bất động sản, xuất khẩu rau quả đóng hộp, thương mại quốc tế, ...

Với tinh thần hành động quyết liệt, khẩn trương, ngay khi dịch Covid-19 mới xuất hiện, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời, chủ động đưa ra các giải pháp ngăn ngừa dịch bệnh lây lan và ứng phó với những diễn biến bất thường của nền kinh tế, theo phương châm vừa đảm bảo an toàn trong phòng chống dịch vừa duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Nhờ các giải pháp toàn diện, đúng đắn nêu trên, cùng với tinh thần quyết liệt, ý chí quyết tâm, đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, kết thúc năm 2021, Công ty đã cơ bản hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của năm.

Tập đoàn F.I.T đã nỗ lực đạt kết quả khả quan như sau: doanh thu 2021 đạt 1.221 tỷ đồng, tăng 2,7% so với năm 2020, lợi nhuận trước thuế đạt 278 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 158 tỷ đồng, lần lượt cao gấp 2,6 và 2,8 lần so với năm 2020. Năm 2022, Tập đoàn F.I.T chủ yếu tập trung đầu tư sâu rộng vào lĩnh vực dược phẩm, nông nghiệp, thực phẩm đồ uống, bất động sản và cơ cấu lại mô hình quản lý.

### 2. Tình hình tài chính

Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh



doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Tính tới thời điểm 31/12/2021, tổng tài sản của Công ty là 5.984 tỷ đồng, tăng 13,2% so với thời điểm cuối năm 2020, trong đó nợ phải trả là gần 1.284 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư trang thiết bị tăng năng lực sản xuất kinh doanh.

## 2.1. Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng tài sản	5.284.711	5.283.977	5.984.081
Nợ phải trả	1.238.040	1.237.397	1.284.372
Vốn chủ sở hữu	4.046.670	4.046.580	4.699.709
Vốn điều lệ	2.547.302	2.547.302	2.627.302

## 2.2. Cơ cấu vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng tài sản	3.182.304	3.130.920	3.398.080
Nợ phải trả	283.145	220.213	292.126
Vốn chủ sở hữu	2.899.158	2.910.706	3.105.954
Vốn điều lệ	2.547.302	2.547.302	2.627.302

## 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong thời gian tới, Tập đoàn F.I.T sẽ tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động thông qua tăng trưởng tự thân cũng như đầu tư các công ty tiềm năng khác. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác với những doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy năng lực quản trị, công nghệ, kỹ thuật và thương mại.

## V. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Từ đầu năm 2021 đến nay, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi. Điều này đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và công ty nói riêng. Chính vì vậy, trong năm HĐQT đã trực



tiếp chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành và các cán bộ quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động quản lý nguồn vốn, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm. Đồng thời, HĐQT đóng vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát tình hình triển khai các chủ trương quyết định và hỗ trợ Ban Điều hành trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã điều chỉnh chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của Đại dịch Covid – 19 gây ra.

HĐQT đã tập trung chỉ đạo kiện toàn lại tổ chức bộ máy quản lý Công ty phù hợp với mô hình hoạt động mới và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ, nhân sự các phòng ban của Công ty mẹ và các công ty con để hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài việc kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các phòng ban, HĐQT cũng đã ổn định lại cơ cấu nhân sự chủ chốt trong Ban Điều hành để điều hành hoạt động của Công ty.

Trong quan hệ với Ban điều hành, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh và có ý kiến chỉ đạo, định hướng cũng như giải quyết những đề xuất, kiến nghị của Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT yêu cầu Ban điều hành báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của Công ty và báo cáo đột xuất khi xảy ra vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để kịp thời giải quyết.

Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết. Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho các cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:**

Trong năm 2021, HĐQT đã chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Tổng giám đốc công ty các công ty thành viên đẩy mạnh chủ trương tái cấu trúc, đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh để tiếp tục khẳng định và nâng cao vị thế, tầm vóc và uy tín của công ty trên thị trường với các ngành hàng chủ lực như: Dược phẩm, nước giải khát, chế biến xuất khẩu nông sản, tiêu dùng nhanh, bất động sản và du lịch nghỉ dưỡng.

Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong việc xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm tạo ra sự tăng trưởng vững chắc cho Tập đoàn trong dài hạn. Cụ thể, Tập đoàn F.I.T đã quyết liệt giảm mạnh hơn nữa doanh thu đến từ mảng nông nghiệp. Đẩy mạnh doanh thu đến từ một số mặt hàng tiêu dùng mà Tập đoàn F.I.T đang có lợi thế cạnh tranh. Điểm nhấn hoạt động của Tập đoàn F.I.T là tập trung đầu tư các ngành hàng, làm tăng giá trị các công ty thành viên.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Năm 2022 được Tập đoàn F.I.T xác định là năm hoàn thiện quá trình tái cơ cấu tại các Công ty thành viên, tạo đà cho cả Tập đoàn bước sang giai đoạn phát triển bền vững. Không những thế Tập đoàn sẽ khởi động các dự án để hiện thực hóa mục tiêu trở thành doanh nghiệp tỷ đô đã đề ra.

Với những ngành hàng cơ bản đa dạng, phù hợp với lợi thế của nền kinh tế, sẽ không ngạc nhiên nếu tại các thị trường phát triển, Tập đoàn F.I.T được coi như một tập đoàn đáng giá tỷ đô. Nhưng với thị trường như Việt Nam, đó là điều mà Tập đoàn đang hướng tới và xây dựng. Tạo dựng niềm tin trong giới đầu tư, với Tập đoàn F.I.T, cũng quan trọng như quá

trình tái cấu trúc hoạt động. Dù trong hoàn cảnh nào, Tập đoàn F.I.T cũng luôn giữ và bảo vệ giá trị cốt lõi của mình: đầu tư hiệu quả, gia tăng giá trị cho cổ đông, thông qua chuỗi sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng và nhân sự chuyên nghiệp.

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty
1	Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	0	Chủ tịch HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DŨNG TÂM CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC UNG THƯ BENOVAS CÔNG TY CỔ PHẦN MŨI DINH ECOPARK
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000	Chủ tịch HĐQT	CÔNG TY CP VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ; CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY
				Thành viên HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DŨNG TÂM CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC KHOÁNG KHÁNH HÒA
3	Ông Phan Minh Sáng	TV HĐQT	0	Thành viên HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN F.I.T CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG TÍN
				Phó Tổng Giám đốc	CÔNG TY CỔ PHẦN HẠT GIỐNG TSC
4	Ông Kiều Hữu Dũng	TV HĐQT	0		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KD CÔNG TY CỔ PHẦN MŨI DINH ECOPARK



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh TV HĐQT nắm giữ tại tổ chức khác	Công ty
					CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẮC THỦ ĐÔ CÔNG TY CỔ PHẦN FCE VIỆT NAM
5	Ông Bùi Tuấn	TV HĐQT	0		
6	Ông Đỗ Văn Khá	TV HĐQT	0		
7	Ông Cao Trọng Hoan	TV HĐQT	0	Chủ tịch HĐQT	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TH NAM SÀI GÒN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CN CAO VIỆT MỸ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG VÀ KD NHÀ SÀI GÒN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNH VIÊN

## 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Tập đoàn F.I.T hiện có 01 Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị là Tiểu ban đầu tư.

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Thành viên Tiểu Ban Đầu tư	100.000 cổ phần
3	Ông Phan Minh Sáng	Thành viên Tiểu Ban Đầu tư	0 cổ phần

## 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

### 1.3.1. Các cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Sang	24/24	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	24/24	100%	

3	Ông Phan Minh Sáng	24/24	100%	
4	Ông Đỗ Văn Khá	24/24	100%	
5	Ông Bùi Tuấn	24/24	100%	
6	Ông Kiều Hữu Dũng	21/24	87,5%	Lý do cá nhân
7	Ông Cao Trọng Hoan	24/24	100%	

1.3.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2021)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2021/NQ-HĐQT	01/02/2021	Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
2	02A/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Tiểu ban đầu tư và Quy chế Công bố thông tin
3	02B/2021/NQ-HĐQT	26/03/2021	Thông qua việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ
4	03/2021/NQ-HĐQT	20/05/2021	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phiếu TSC
5	04/2021/NQ-HĐQT	28/05/2021	Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
6	05/2021/NQ-HĐQT	10/06/2021	Thông qua các hợp đồng, giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí giữa Công Ty với các bên có liên quan
7	06/2021/NQ-HĐQT	25/06/2021	Thông qua danh sách người lao động mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
8	07/2021/NQ-HĐQT	09/07/2021	Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền liên quan đến việc triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)
9	08/2021/NQ-HĐQT	09/07/2021	Thông qua Trình tự phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021
10	10/2021/NQ-HĐQT	06/08/2021	Thông qua một số nội dung trong việc triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu năm 2021



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
11	11/2021/NQ-HĐQT	06/08/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu
12	12/2021/NQ-HĐQT	30/08/2021	Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng
13	13/2021/NQ-HĐQT	08/09/2021	Thông qua một số nội dung trong việc triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu năm 2021 và sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết HĐQT số 08/2021/NQ-HĐQT, 10/2021/NQ-HĐQT
14	14/2021/NQ-HĐQT	21/09/2021	Thông qua thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
15	15/2021/NQ-HĐQT	05/10/2021	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho người lao động và xử lý cổ phiếu không phân phối hết khi chào bán cho người lao động
16	16/2021/NQ-HĐQT	06/10/2021	Thông qua báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
17	17/2021/NQ-HĐQT	07/10/2021	Thông qua việc nhập cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
18	18/2021/NQ-HĐQT	13/10/2021	Thông qua việc tăng vốn và thay đổi người đại diện theo pháp luật
19	19/2021/NQ-HĐQT	13/10/2021	Thông qua việc sửa đổi điều lệ của Công Ty
20	20/2021/NQ-HĐQT	18/10/2021	Thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam
21	22/2021/NQ-HĐQT	25/10/2021	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phiếu TSC
22	23/2021/NQ-HĐQT	09/11/2021	Thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền và thay thế toàn bộ nội dung Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT, Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐQT, Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐQT của HĐQT
23	24/2021/NQ-HĐQT	09/11/2021	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu
24	25.1/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Thông qua việc tách bạch công tác quản trị và điều hành trong Công Ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
25	25.2/2021/NQ-HĐQT	24/12/2021	Thông việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc thường trực
26	26/2021/NQ-HĐQT	27/12/2021	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một phần của Nghị quyết HĐQT số 23/2021/NQ-HĐQT ngày 09/11/2021

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS	22/4/2021	Cử nhân Luật
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	27/4/2018	Cử nhân Kế toán – Luật kinh tế
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	26/06/2020	Cử nhân tài chính

### 2.1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

#### a. Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ninh Việt Tiến	1/2	50%	100%	Miễn nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021
2	Ông Nguyễn Quang Huy	1/2	50%	100%	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	2/2	100%	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	2/2	100%	100%	



b. Các hoạt động của BKS:

- Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định trong điều lệ Công ty nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc chính đã thực hiện bao gồm:
- Trưởng BKS tham dự toàn bộ các cuộc họp của HĐQT. Kiểm tra việc ban hành, thực thi các Nghị Quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, từ đó đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, kịp thời của công tác quản lý, điều hành Công ty;
- Tổ chức cuộc họp của Ban kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát qua các quý; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát để thực hiện chức trách của Ban kiểm soát;
- Kiểm tra, thẩm định các Báo cáo tài chính định kỳ của công ty; và
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ.
- Tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác điều hành, thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh doanh của công ty;
- Phân tích, đánh giá độc lập hoạt động kinh doanh của công ty; trên cơ sở đó đề xuất các ý kiến, khuyến nghị kịp thời, các biện pháp khắc phục, nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh;
- Phối hợp, chỉ đạo bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện kiểm tra, kiểm soát định kỳ và đột xuất các hoạt động nghiệp vụ tại công ty; và
- Ban kiểm soát hỗ trợ và cho ý kiến để chuẩn hóa hệ thống báo cáo quản trị nội bộ của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

STT	Chỉ tiêu	Số người	Thù lao phê duyệt (VND/người/tháng)	Tổng thù lao/tháng (VND)
<b>A</b>	<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>			
1	Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	5.000.000
2	Thành viên HĐQT	6	4.000.000	24.000.000
<b>B</b>	<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>			
1	Trưởng Ban Kiểm soát	1	3.000.000	3.000.000
2	Thành viên BKS	2	1.500.000	3.000.000
<b>C</b>	<b>Tổng cộng</b>			<b>35.000.000</b>

3.1.2. Ban Giám đốc

STT	Chỉ tiêu	Số người	Tổng thù lao, tiền lương đã chi trả thực tế năm 2021 (VND)
1	Ban Tổng Giám đốc	01	2.286.374.640 VND

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

Chi tiết trong Phụ lục 01 đính kèm theo Báo cáo thường niên này

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Chi tiết trong Phụ lục 02 đính kèm theo Báo cáo thường niên này

**3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các bộ phận quản lý trong Công ty đã thực hiện việc quản trị Công ty theo đúng quy định pháp luật.

**VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán và đã được đăng tải trên website của Công ty theo đường dẫn: <https://fitgroup.com.vn/> - MỤC QUAN HỆ CỔ ĐÔNG.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- Lưu: VT;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Vũ Thị Minh Hoài



## PHỤ LỤC 01

## GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	9.840.000	3,75%	0	0	Bán
2	Công ty Cổ phần Đầu tư KD	Người có liên quan của ông Kiều Hữu Dũng - Thành viên HĐQT	0	0	15.000.000	5,71%	Mua
3	Kiều Anh Kiệt	Người có liên quan của ông Kiều Hữu Dũng - Thành viên HĐQT	5.592.055	2,13%	55	0,00002%	Bán
4	Công ty Cổ phần Đầu tư KD	Người có liên quan của ông Kiều Hữu Dũng - Thành viên HĐQT	15.000.000	5,71%	15.419.400	5,87%	Mua
5	Cao Trọng Hoan	Thành viên HĐQT	4.377.200	1,67%	0	0	Bán
6	Công ty Cổ phần Đầu tư KD	Người có liên quan của ông Kiều Hữu Dũng - Thành viên HĐQT	15.419.400	5,87%	0	0	Bán
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Dũng Tâm	Công ty mẹ Người có liên quan của ông Nguyễn Văn Sang - Chủ tịch HĐQT	129.912.423	49,4471%	79.912.423	30,4161%	Bán
8	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	100.000	0,04%	0	0%	Bán
9	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	100.000	0,04%	Mua

10	Nguyễn Thị Nga	Kế toán trưởng	0	0%	5.000	0,002%	Mua
11	Ninh Thị Phương	Người có liên quan của ông Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch HĐQT	0	0%	100.000	0,04%	Mua
12	Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS	0	0%	600.000	0,24%	Mua
13	Hoàng Minh Tâm	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Phó Chủ tịch HĐQT	0	0%	10.000	0,004%	Mua



**PHỤ LỤC 02**

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC  
GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Đầu Tư Dũng Tâm	Công ty mẹ	0900848515 Ngày cấp: 17/3/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên	Số 37 Phố Mới, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên			Doanh thu cung cấp dịch vụ 176.043.236 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 146.163.159	
2	Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	0107753133 Ngày cấp: 08/03/2017, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội	Tầng 5, Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội		Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 và Nghị quyết HĐQT số 05/2021/NQ-HĐQT ngày 10/06/2020	Doanh thu cung cấp dịch vụ 1.430.280.192 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 1.661.960.480	
3	Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty con	1800518314 do Sở kế hoạch & Đầu tư TP Cần Thơ cấp đăng ký lần đầu ngày 25/7/2003	Số 1D, Phạm Ngũ Lão, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021		Doanh thu cung cấp dịch vụ 981.381.195 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 1.079.519.319	
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Công ty con	150020253 Ngày cấp: 05/09/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Long	Số 150 Đường 14 tháng 9, Phường 5, TP Vĩnh Long			Doanh thu cung cấp dịch vụ 5.123.355.931 Chuyển tiền hợp tác đầu tư 248.000.000.000 Thu hồi tiền hợp tác đầu tư 64.000.000.000	

										Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 4.753.561.644 Mua hàng hóa, dịch vụ 4.279.839.464 Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ 120.480.050 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 250.002.506 Mua hàng hóa, dịch vụ 705.762.804 Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ 776.339.084 Doanh thu cung cấp dịch vụ 2.258.605.907 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 1.045.025.065 Mua hàng hóa, dịch vụ 1.915.484.018 Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ 1.556.681.503 Doanh thu cung cấp dịch vụ 911.323.638 Thu hồi tiền hợp tác đầu tư 6.475.000.000 Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 361.890.412
5	Công ty CP chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	1800512175 Ngày cấp: 23/02/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ	Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, Khu vực 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ						
6	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	4200283916 Ngày cấp: 09/6/2006, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa						
7	Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	0104344157 Ngày cấp: 22/12/2009, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh	Số 276, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, quận 3, Hồ Chí Minh						



									Thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 1.711.693.150 Mua hàng hóa, dịch vụ 657.342.809 Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ 85.515.823 Trả tiền hợp tác đầu tư 15.268.476.518 Lợi nhuận phải trả từ hợp tác đầu tư 6.504.651.248
8	Công ty Cổ phần Mũi Đình Ecopark	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	4500605836 Ngày cấp: 07/06/2016, Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận	Lầu 4 tòa nhà Sacombank 757 đường Thống Nhất, Phường Kinh Dinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận					Doanh thu cung cấp dịch vụ 535.524.000 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 589.076.400 Chuyển tiền hợp tác đầu tư 272.970.000.000 Thu hồi tiền hợp tác đầu tư 372.970.000.000 Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 2.445.158.904 Thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 4.307.953.425 Doanh thu cung cấp dịch vụ 535.524.000 Tiền thu từ cung cấp dịch vụ 589.076.400
9	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty con	0106567335 Cấp ngày: 04/4/2016 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Tầng 5 - tòa Times Tower - HACCI Complex Số 35 Lê Văn Lương - Thanh Xuân - Hà Nội					
10	Công ty Cổ phần đầu tư Bất Động Sản F.I.T	Công ty con	0107499328 Cấp ngày: 09/07/2019 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Tầng 5, Tòa Times Tower, số 35 đường Lê Văn Lương, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội					

11	Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT	Số ĐKKD: 1101403543 Đăng ký lần đầu: 23/9/2011	Lô 26, Đường số 9, KCN Tân Đức, H. Đức Hòa, T. Long An	Đầu tư Hà Nội				Chuyển tiền hợp tác đầu tư 147.730.000.000
									Thu hồi tiền hợp tác đầu tư 299.213.000.000
									Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 11.665.654.945
									Thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 14.712.703.388
									Thu hồi tiền hợp tác đầu tư 10.000.000.000
									Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 559.657.536
									Thu lợi nhuận từ hợp tác đầu tư 1.375.000.000